

**Thủ tục hải quan xử lý nguyên liệu, vật tư dư thừa; phế liệu, phế phẩm;
máy móc, thiết bị tạm xuất phục vụ gia công**

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1: Căn cứ theo các hình thức (bán, biếu, tặng, tiêu hủy tại thị trường nước ngoài; hoặc nhập khẩu về Việt Nam) theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Thông tư số 38/2015/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018) để thực hiện thủ tục theo quy định tại nước nhận gia công hoặc thủ tục tái nhập hoặc thủ tục theo quy định đối với lô hàng nhập khẩu thương mại.

Trường hợp chuyển nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị thuê, mượn sang hợp đồng gia công khác thì có văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục quyết toán.

Người khai hải quan thực hiện việc khai báo hải quan và xuất trình hồ sơ hải quan (trong trường hợp phải kiểm tra hồ sơ), xuất trình thực tế hàng hóa (trong trường hợp phải kiểm tra thực tế hàng hóa) cho cơ quan hải quan.

- Bước 2: Cơ quan hải quan thực hiện việc thông quan hàng hóa cho người khai hải quan.

- Cách thức thực hiện:

- + Trực tiếp tại cơ quan hải quan;
- + Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Trường hợp nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị được xuất khẩu từ Việt Nam; phế liệu, phế phẩm phát sinh từ nguyên liệu, vật tư xuất khẩu từ Việt Nam thì thành phần hồ sơ như sau:

- + Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu;
- + Chứng từ vận tải trong trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt: nộp 01 bản chụp;
- + Văn bản của bên nước ngoài thông báo hàng bị trả lại hoặc văn bản của hãng tàu/đại lý hãng tàu thông báo không có người nhận hàng: nộp 01 bản chụp.

- Trường hợp nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị mua ở nước ngoài; phế liệu, phế phẩm phát sinh từ nguyên liệu, vật tư mua từ nước ngoài thì thành phần hồ sơ như sau:

- + Tờ khai hải quan theo các chỉ tiêu thông tin quy định tại mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã

sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

Trường hợp thực hiện trên tờ khai hải quan giấy theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP, người khai hải quan khai và nộp 02 bản chính tờ khai hải quan theo mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

+ Hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị tương đương trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán: 01 bản chụp.

Trường hợp chủ hàng mua hàng từ người bán tại Việt Nam nhưng được người bán chỉ định nhận hàng từ nước ngoài thì cơ quan hải quan chấp nhận hóa đơn do người bán tại Việt Nam phát hành cho chủ hàng.

Người khai hải quan không phải nộp hóa đơn thương mại trong các trường hợp sau:

++ Hàng hóa nhập khẩu để thực hiện hợp đồng gia công cho thương nhân nước ngoài;

++ Hàng hóa nhập khẩu không có hóa đơn và người mua không phải thanh toán cho người bán, người khai hải quan khai trị giá hải quan theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ Vận đơn hoặc các chứng từ vận tải khác có giá trị tương đương đối với trường hợp hàng hóa vận chuyển bằng đường biển, đường hàng không, đường sắt, vận tải đa phương thức theo quy định của pháp luật (trừ hàng hóa nhập khẩu qua cửa khẩu biên giới đường bộ, hàng hóa mua bán giữa khu phi thuế quan và nội địa, hàng hóa nhập khẩu do người nhập cảnh mang theo đường hành lý): 01 bản chụp.

Đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ cho hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí vận chuyển trên các tàu dịch vụ (không phải là tàu thương mại) thì nộp bản khai hàng hóa (cargo manifest) thay cho vận đơn;

+ Bảng kê lâm sản đối với gỗ nguyên liệu nhập khẩu quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 01 bản chính;

+ Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản cho phép nhập khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về ngoại thương và thương mại đối với hàng hóa phải có giấy phép nhập khẩu; Giấy phép nhập khẩu theo hạn ngạch hoặc văn bản thông báo giao quyền sử dụng hạn ngạch thuế quan nhập khẩu:

++ Nếu nhập khẩu một lần: 01 bản chính;

++ Nếu nhập khẩu nhiều lần: 01 bản chính khi nhập khẩu lần đầu.

+ Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành: 01 bản chính.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định nộp bản chụp hoặc không quy định cụ thể bản chính hay bản chụp thì người khai hải quan được nộp bản chụp.

Trường hợp Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành được sử dụng nhiều lần trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành thì người khai hải quan chỉ nộp 01 lần cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên;

+ Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư: nộp 01 bản chụp khi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng đầu tiên;

+ Tờ khai trị giá: Người khai hải quan khai tờ khai trị giá theo mẫu, gửi đến Hệ thống dưới dạng dữ liệu điện tử hoặc nộp cho cơ quan hải quan 02 bản chính đối với trường hợp khai trên tờ khai hải quan giấy. Các trường hợp phải khai tờ khai trị giá và mẫu tờ khai trị giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 39/2015/TT-BTC;

+ Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định tại Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Danh mục máy móc, thiết bị trong trường hợp phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam hoặc phân loại máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời: 01 bản chụp và xuất trình bản chính Danh mục máy móc, thiết bị để đối chiếu kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi theo quy định tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC trong trường hợp nhập khẩu nhiều lần;

+ Hợp đồng ủy thác: 01 bản chụp đối với trường hợp ủy thác nhập khẩu các mặt hàng thuộc diện phải có giấy phép nhập khẩu, chứng nhận kiểm tra chuyên ngành hoặc phải có chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật về quản lý, kiểm tra chuyên ngành, pháp luật về quản lý ngoại thương mà người nhận ủy thác sử dụng giấy phép hoặc chứng từ xác nhận của người giao ủy thác;

+ Hợp đồng bán hàng cho trường học, viện nghiên cứu hoặc hợp đồng cung cấp hàng hóa hoặc hợp đồng cung cấp dịch vụ đối với thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu, thí nghiệm khoa học đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng: 01 bản chụp.

Các chứng từ Giấy phép nhập khẩu hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền, Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành, Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư, Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa nếu được cơ quan kiểm tra chuyên ngành, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nước xuất khẩu

gửi dưới dạng điện tử thông qua Cổng thông tin một cửa ASEAN hoặc Cổng thông tin trao đổi với các nước khác theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, người khai hải quan không phải nộp khi làm thủ tục hải quan.

- Trường hợp chuyển nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị thuê mượn sang hợp đồng gia công khác:

Văn bản thông báo cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục quyết toán theo mẫu số 40/CT-HĐGC/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

*** Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

+ Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

+ Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 02 ngày

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Hải quan

b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không;

c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Hải quan;

d) Cơ quan phối hợp (nếu có): Không

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: thông quan hàng hóa.

- Lệ phí (nếu có): 20.000 đ/tờ khai.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu - Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018);

+ Tờ khai hàng hóa nhập khẩu - Mẫu HQ/2015/NK Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính;

+ Công văn chuyển tiếp nguyên liệu, vật tư dư thừa, máy móc, thiết bị từ hợp đồng gia công này sang hợp đồng gia công khác - Mẫu số 40/CT-HĐGC/GSQL Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

+ Căn cứ theo thỏa thuận trong hợp đồng gia công và quy định của pháp luật Việt Nam, nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị cho thuê, mượn để gia công được xử lý như sau:

++ Bán, biếu tặng, tiêu hủy tại thị trường nước ngoài;

++ Nhập khẩu về Việt Nam;

++ Chuyển sang thực hiện hợp đồng gia công khác tại nước ngoài.

+ Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày hợp đồng gia công kết thúc hoặc hết hiệu lực thực hiện, tổ chức, cá nhân phải hoàn thành việc thực hiện các thủ tục giải quyết nguyên liệu, vật tư dư thừa, phế liệu, phế phẩm, máy móc, thiết bị thuê, mượn và sản phẩm gia công

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Điều 60 Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

+ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;

+ Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Nghị định số 156/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;

+ Điều 36 đến Điều 41 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/1/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018);

+ Điều 69 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018).

+ Thông tư 14/2021 ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí hải quan và lệ phí hàng hóa, phương tiện vận tải quá cảnh.

HẢI QUAN VIỆT NAM
Cục Hải quan:

TỜ KHAI HÀNG HÓA NHẬP KHẨU



HQ/2015/NK

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:		Số tham chiếu:		Số tờ khai:		Công thức đăng ký tờ khai		
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:		Ngày, giờ gửi:		Ngày, giờ đăng ký:		Số lượng phụ lục tờ khai:		
1. Người xuất khẩu:		5. Loại hình:		7. Giấy phép số:		8. Hợp đồng		
2. Người nhập khẩu:		6. Hóa đơn thương mại		Ngày		Ngày		
MST		9. Vận đơn (số/ngày):		Ngày hết hạn		Ngày hết hạn		
3. Người uỷ thác/người được ủy quyền:		10. Cảng xếp hàng:		11. Cảng dỡ hàng:				
MST		12. Phương tiện vận tải:		13. Nước xuất khẩu:				
4. Đại lý Hải quan:		Tên, số hiệu:		Ngày đến				
MST		14. Điều kiện giao hàng:		15. Phương thức thanh toán:				
		16. Đồng tiền thanh toán:		17. Tỷ giá tính thuế:				
Số TT	18. Mã mã hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế		Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế		
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTDB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
30. Tổng số tiền thuế (ô 26+27+ 28+29):								
Bằng chữ:								
31. Lượng hàng, số hiệu container								
Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container		c. Trọng lượng hàng trong container				
1								
2								
32. Chứng từ đi kèm				Cộng: 33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai Ngày tháng năm (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)				
34. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục hải quan		36. Xác nhận của hải quan giám sát		37. Xác nhận giải phóng hàng/ đưa hàng về bảo quản/chuyển cửa khẩu		38. Xác nhận thống quan		
15. Ghi chép khác:								

Chi cục Hải quan đăng ký tờ khai:					Phụ lục số:		Số tờ khai:	
Chi cục Hải quan cửa khẩu nhập:					Ngày, giờ đăng ký:		Loại hình:	
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
1								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
2								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
Số TT	18. Mô tả hàng hóa	19. Mã số hàng hóa	20. Xuất xứ	21. Chế độ ưu đãi	22. Lượng hàng	23. Đơn vị tính	24. Đơn giá nguyên tệ	25. Trị giá nguyên tệ
3								
Loại thuế		Trị giá tính thuế/ Số lượng chịu thuế			Thuế suất (%) / Mức thuế		Tiền thuế	
26. Thuế nhập khẩu								
27. Thuế TTĐB								
28. Thuế BVMT								
29. Thuế GTGT								
Cộng:								
31. Lượng hàng, số hiệu container:								
Số TT	a. Số hiệu container	b. Số lượng kiện trong container			c. Trọng lượng hàng trong container			
1								
2								
3								
4								
Cộng:								

33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên tờ khai.
 Ngày tháng năm
 (Người khai ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 40/CT-HĐGC/GSQL

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng.... năm

V/v thông báo chuyển tiếp
nguyên liệu, vật tư dư thừa;
máy móc, thiết bị từ hợp đồng
gia công này sang hợp đồng gia
công khác

Kính gửi: Chi cục Hải quan

Ngày, Công ty chúng tôi, mã số thuế: có địa chỉ..., điện thoại... fax... đã thực hiện hợp đồng/phụ lục hợp đồng gia công số.... ngày..... năm..... với đối tác nước ngoài nhận gia công là Công ty..... địa chỉ

Đến nay, Công ty chúng tôi đã thực hiện xong hợp đồng gia công số.... ngày.... tháng.... năm..... và đã tiến hành thanh lý hợp đồng với đối tác nước ngoài theo Biên bản thanh lý số.... ngàytháng..... năm..... (kèm theo).

Căn cứ Biên bản thanh lý hợp đồng gia công dẫn trên, chúng tôi thông báo Chi cục Hải quan về việc chuyển nguyên vật liệu dư thừa, máy móc thiết bị thuê mượn từ hợp đồng gia công số..... sang hợp đồng gia công số..... như sau:

+ Về nguyên liệu vật tư dư thừa:(nêu rõ tên, quy cách, phẩm chất nguyên liệu, vật tư; lượng/đơn vị tính nguyên liệu, vật tư; ghi chú khác (nếu có));

+ Về máy móc thiết bị thuê mượn: (nêu rõ tên, model, ký mã hiệu của máy móc, thiết bị; lượng/đơn vị tính của máy móc, thiết bị; ghi chú khác (nếu có)).

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông báo nêu trên./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)